

Bản tin chứng khoán

Trong số này

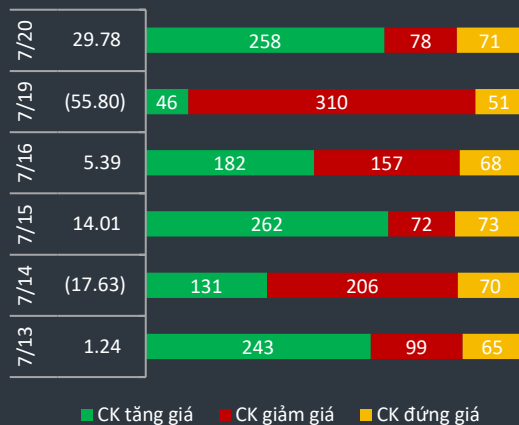
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

STB	71.04
HPG	61.77
HSG	49.96
FUEFVND	42.58
SSI	40.53
GEX	39.93
PVT	23.81
MBB	22.26
GVR	(26.29)
VCB	(37.27)
VHM	(66.30)
KDH	(68.43)
VRE	(81.91)
NVL (107.09)	
VIQ(113.30)	
MSB (120.64)	

Sau phiên đổ sụp đầu tuần, thị trường phiên hôm nay đã dịu bớt áp lực dù phiên sáng vẫn giằng co và chỉ số Vnindex giảm khoảng 8-12 điểm. Phiên chiều xu hướng giảm yếu dần và lực cầu bắt đầu gia tăng. Đến khoảng 1g45, thị trường như bừng tỉnh sau khi chỉ số Vnindex chớm xanh và lập tức gia tăng điểm số lên rất nhanh chỉ trong khoảng 30 phút. Kết thúc phiên giao dịch chỉ số Index hồi phục gần 30 điểm lên 1273. Toàn sàn đóng cửa có 281 mã xanh so với 94 mã giảm. Thanh khoản vẫn ở mức trung bình khoảng 16,500 tỷ, gần bằng với phiên hôm trước.

Hàng loạt cổ phiếu đồng loạt đảo chiều và tăng tốc rất nhanh khi nhà đầu tư mạnh dạn bắt đáy. Hầu hết các nhóm ngành đều tăng nhưng sung sức nhất là nhóm chứng khoán. SSI tăng trần, HCM tăng trên 6%. Hôm nay là ngày về cổ tức VCI nhưng giá vẫn đảo chiều thành công tăng trở lại vùng giá 50. Có khá nhiều công ty chứng khoán vừa báo cáo kết quả kinh doanh Q2 khả quan như SSI LNTT 1,255 tỷ đồng tăng 90% so với cùng kỳ, SHS đạt lợi nhuận 6 tháng 722 tỷ, gấp 2.2 lần cùng kỳ. Riêng VND Lợi nhuận sau thuế đạt 905 tỷ đồng, gấp 4,7 lần cùng kỳ.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng hầu hết cùng hồi phục tốt và chỉ có EIB là mất điểm cuối phiên. Những ngân hàng tăng mạnh nhất trong ngày đến từ nhóm tầm trung như SHB, SSB, ACB, HDB, TPB, MSB OCB với mức tăng trên 4%. BID, CTG, VCB tăng trung bình 3%. So với nhóm chứng khoán thì ngân hàng không tăng tốt bằng một phần do nhiều cổ phiếu ngân hàng chưa công bố kết quả kinh doanh như nhóm chứng khoán.

Nhóm VN30 đóng cửa chỉ có KDH và VRE giảm nhẹ. Nếu như hôm trước nhóm Vingroup giúp thị trường không giảm sâu thêm thì hôm nay nhóm Vingroup lại đóng vai trò không để chỉ số tăng quá mạnh. Tăng tốt nhất trong nhóm VN30 là SSI, MWG, HPG, HDB, GAS, TPB, VCB.

Khối ngoại trong ngày mua vào 1750 tỷ và bán ra 2075 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng nhiều nhất HPG, STB, HSG, GEX, HSG và bán ròng MSB, VIC, NVL, VRE, KDH.

Vnindex 1,273.29

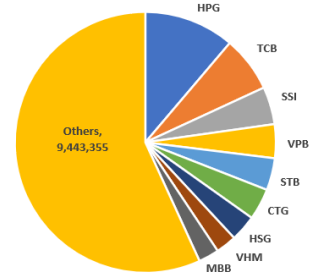
▲ +29.78 (+2.39)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	52.7	3,400	6.90
HPG	47.3	3,000	6.77
GVR	30.8	1,600	5.48
ACB	33.9	1,750	5.44
MWG	164.6	8,100	5.18
HDB	33.4	1,500	4.70
TPB	33.0	1,450	4.60
BVH	49.9	1,900	3.96
BID	41.0	1,350	3.40
VCB	100.2	3,200	3.30
TCB	49.5	1,500	3.13
CTG	33.3	1,000	3.10
MSN	123.0	3,600	3.02
MBB	27.9	750	2.76
GAS	89.0	2,300	2.65
FPT	86.8	2,100	2.48
PDR	89.9	2,100	2.39
VHM	106.6	2,300	2.21
STB	28.1	600	2.18
HVN	24.5	500	2.08
POW	10.3	200	1.98
REE	51.7	900	1.77
VNM	85.9	900	1.06
VPB	60.6	600	1.00
PLX	49.4	350	0.71
VIB	42.0	250	0.60
NVL	103.5	500	0.49
PNJ	92.0	400	0.44
VJC	114.5	500	0.44
SAB	155.0	500	0.32
VIC	103.0	100	0.10
VRE	26.7	(100)	(0.37)
DHG	93.0	(900)	(0.96)
BCM	40.1	(600)	(1.47)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex đã hồi phục khá sau khi đã gần về ngưỡng 1200. Như vậy sau 2 tuần chỉ số Vnindex đã giảm 200 điểm – gần mới mức điều chỉnh hồi tháng 1 năm nay. Các tín hiệu kỹ thuật cho thấy thị trường đã đi vào vùng quá bán và cho tín hiệu mua vào trở lại. Một số thông tin về dịch bệnh có phần khả quan theo công bố của Bộ Y Tế sáng hôm nay cũng là yếu tố quan trọng giúp thị trường đảo chiều. Xu hướng thị trường các phiên tới còn biến động mạnh và vẫn còn nhạy cảm liên quan đến tình hình dịch bệnh cả nước.

Phiên thứ tư thị trường có thể giao dịch chậm lại và nếu lạc quan chỉ số Vnindex sẽ tiếp tục xanh nhẹ. Đây là cơ hội cho nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và tắt toán bớt các khoản đầu tư. Chiến lược hiện tại vẫn là giữ tài khoản ở mức trung bình và chỉ tích lũy dần ở những phiên giảm mạnh.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	51.7	(0.4)	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	1.4%
GVR	30.8	2.7	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	4.8%
HCM	47.5	-	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	5.6%
VCI	50.4	(4.4)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 50-52	7/12/2021	-2.1%
SSI	52.7	1.7	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	5.4%
MBB	27.9	(6.4)	25	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	-3.8%
OCB	27.5		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	1.9%
TCB	49.5	(8.2)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-6.6%
CTG	33.3	(3.9)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	-2.1%
HPG	47.3	4.0	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	5.1%
STB	28.1	(2.1)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	0.4%
DGW	125.8	(6.6)	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	25.8%
MWG	164.6	(5.9)	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	29.1%

Tin Doanh Nghiệp

6 tháng đầu năm 2021, CTCP FPT (FPT – sàn HOSE) ghi nhận doanh thu 16.228 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2.936 tỷ đồng, lần lượt tăng 19,2% và 20,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Động lực chính giúp FPT ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng cao là tới từ nhu cầu gia tăng mảng công nghệ và cải thiện biên lợi nhuận tại mảng viễn thông.

Cụ thể, khối công nghệ (bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin trong nước và dịch vụ công nghệ thông tin nước ngoài) tiếp tục giữ vai trò chủ chốt, đóng góp 56% doanh thu và 44% lợi nhuận trước thuế của toàn Tập đoàn, tương ứng đạt 9.098 tỷ đồng và 1.306 tỷ đồng.

Do nhu cầu đầu tư công nghệ ở cả thị trường trong và ngoài nước không ngừng gia tăng, giá trị đơn hàng ký mới mảng công nghệ của FPT tăng 43,9% so với quý II/2020, đạt 5.848 tỷ đồng.

Doanh thu chuyển đổi số đạt 2.116 tỷ đồng, tăng 19,3% so với 6 tháng đầu năm 2020. Tốc độ tăng trưởng tốt nhờ vào nỗ lực của FPT trong việc triển khai các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực Low code, Cloud và Blockchain cho khách hàng quốc tế.

Tại thị trường nước ngoài, doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin đạt 6.683 tỷ đồng, tăng 15%; lợi nhuận trước thuế đạt 1.061 tỷ đồng, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu tại mọi thị trường vẫn đảm bảo tăng trưởng, đặc biệt là thị trường Mỹ tăng 41%. Đáng chú ý, Tập đoàn thu về 11 dự án lớn có quy mô trên 5 triệu USD/dự án trong nửa đầu năm 2021, tăng mạnh so với 2 dự án của cùng kỳ năm 2020.

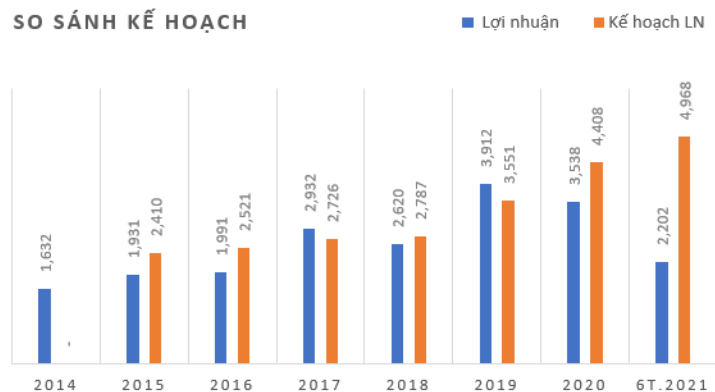
Tại thị trường trong nước, doanh thu và lợi nhuận trước thuế của mảng dịch vụ công nghệ thông tin trong 6 tháng đầu năm lần lượt đạt 2.415 tỷ đồng và 246 tỷ đồng, tương ứng tăng 40,7% và 245,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặt khác, nhờ lợi nhuận từ mảng truyền hình gia tăng, cùng với việc tạm hoãn đầu tư vào cơ sở hạ tầng trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 nên biên lợi nhuận trước thuế của mảng dịch vụ viễn thông tiếp tục cải thiện. Theo đó, nửa đầu năm 2021, doanh thu và lợi nhuận trước thuế của mảng này lần lượt đạt 5.847 tỷ đồng và 1.069 tỷ đồng, tăng 12,1% và 28,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, nhu cầu giao dịch ngành công nghệ thông tin tăng mạnh đã góp phần thúc đẩy doanh thu của mảng giáo dục của FPT tăng 53% trong nửa đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1.362 tỷ đồng.

Như vậy, với kế hoạch kinh doanh năm nay đạt doanh thu 34.720 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 6.210 tỷ đồng, sau nửa đầu năm, Công ty đã hoàn thành gần 50% mục tiêu doanh thu và lợi nhuận cả năm. (DTCK)

SO SÁNH KẾ HOẠCH



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2021

Mã CK	DT 6T.2020	DT 6T.2021	%	LN 6T.2020	LN 6T.2021	%	EPS
HSG	12,355	19,946	61%	382.1	1,606.9	321%	5,342
NKG	4,766	11,862	149%	58.8	1,166.3	1884%	5,075
VBB	200	479	140%	229.4	260.1	13%	731
PPC	4,500	2,297	-49%	415.0	258.7	-38%	2,610
EVS	176	378	115%	3.8	178.1	4648%	3,860
HND	6,151	4,613	-25%	745.8	177.0	-76%	1,766
BMS	166	319	92%	(32.2)	132.8		4,098
PHR	495	591	19%	536.8	120.5	-78%	4,907
D2D	149	197	32%	150.2	108.6	-28%	7,474
RTB	141	376	166%	40.3	100.9	150%	2,562
SMB	558	596	7%	60.0	77.7	29%	5,914
TIX	91	131	45%	46.0	72.3	57%	3,941
CLC	891	1,033	16%	55.4	59.0	6%	5,056
WSB	364	431	19%	53.5	58.2	9%	8,208
DRI	136	243	78%	(35.5)	49.6		1,333
PSD	3,447	3,648	6%	30.6	49.5	62%	2,298
IDV	151	48	-68%	80.4	47.0	-42%	8,881
TDS	972	1,256	29%	16.5	47.0	185%	4,262
DHA	173	167	-4%	42.7	42.8	0%	6,507
SLS	483	273	-44%	35.4	41.1	16%	12,762
VCA	975	1,331	36%	12.7	40.0	215%	3,188
PMC	219	229	5%	36.9	37.3	1%	8,038
SHP	174	203	17%	0.4	36.7	10317%	1,065
DCT	142	108	-24%	(6.5)	31.2		1,540
L14	50	83	67%	15.2	31.2	106%	2,103
ADP	278	230	-17%	31.7	30.0	-5%	3,296
CAP	194	266	37%	12.5	29.9	138%	9,075
HTI	178	206	16%	29.7	29.0	-3%	2,399
SBM	102	99	-3%	23.6	28.6	21%	1,757
NNC	219	119	-46%	59.1	27.7	-53%	4,230
TRC	114	173	53%	37.0	26.6	-28%	2,746
BAX	34	58	68%	13.9	24.6	78%	19,068
SAF	556	512	-8%	23.2	24.6	6%	4,786
CCR	67	108	62%	10.9	23.7	117%	1,502
BCE	126	99	-22%	6.4	23.2	260%	1,441
LDW	125	129	3%	22.5	23.1	3%	524
TNC	30	26	-11%	49.5	22.6	-54%	1,422
ISH	75	75	1%	16.1	20.3	26%	1,250
UDJ	58	71	22%	9.2	20.0	119%	1,971
SSC	270	144	-47%	19.5	19.8	2%	2,703
WCS	52	50	-4%	24.5	19.6	-20%	20,487
ND2	130	136	5%	7.1	19.4	175%	2,917

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

FTM	5.77
BSI	6.06
KBC	6.56
CTS	6.74
HCM	6.74
HPG	6.77
FLC	6.80
ROS	6.84
SSI	6.90
JVC	6.91
DPG	6.91
TGG	6.93
VPS	6.93
HAI	6.94
TTF	6.94
HSG	6.95
DRH	6.96
KMR	6.97
VND	9.52

Top tăng giá HNX

VGS	6.43
KSQ	6.67
DBT	6.84
HHP	6.92
PV2	7.14
KDM	7.46
PLC	7.53
BVS	7.60
L14	8.19
TNG	8.47
MBS	8.65
HTP	8.70
SHS	8.79
VC9	8.82
ART	8.86
BII	9.64
OCH	9.86

DGC - Tập đoàn hóa chất Đức Giang - Quý II/2021, doanh nghiệp đạt doanh thu 2.038,5 tỷ đồng, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Lãi sau thuế của doanh nghiệp đạt 333 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước và ghi nhận mức cao nhất một quý trong lịch sử hoạt động. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Hóa chất Đức Giang đã đạt 3.988 tỷ đồng doanh thu và 625 tỷ đồng lãi sau thuế.

DDV - Công ty cổ phần DAP – Vinachem - Quý II/2021, DDV ghi nhận doanh thu đạt 748 tỷ đồng, tăng gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 54,6 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 27,4 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, DDV ghi nhận doanh thu 1.394,5 tỷ đồng, tăng gấp đôi năm trước; lợi nhuận sau thuế 90,1 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 33,6 tỷ đồng.

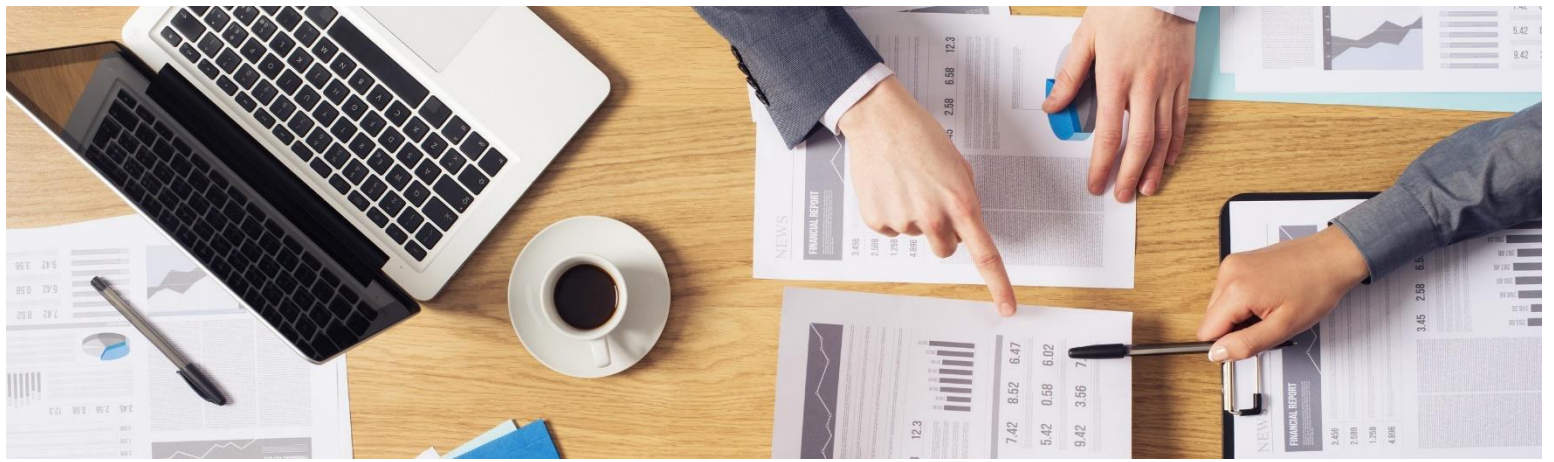
PTB - Công ty cổ phần Phú Tài - 6 tháng đầu năm đạt doanh thu là 3.062,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 286,9 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 19% và 55% so với cùng kỳ năm trước.

STK - CTCP Sợi Thế Kỷ - Doanh thu bán hàng quý II/2021 đạt 510 tỷ đồng, hoàn thành 87% so với kế hoạch quý, tăng 102% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế 6 tháng, doanh thu ghi nhận 1.077 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ. Tỷ lệ sợi tái chế 6 tháng năm 2021 đạt 56,48% trên doanh thu.

LAS - CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao - Kết thúc quý II, doanh nghiệp đạt 846,4 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 36,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 28,4 tỷ đồng. Cùng kỳ năm ngoái lỗ ròng 15 tỷ đồng. Lũy kế 2 quý đầu năm, LAS đạt 1.603 tỷ đồng doanh thu thuần. Lợi nhuận trước thuế đạt 66,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 52,7 tỷ đồng.

VIX - CTCP Chứng khoán VIX – Đã thông qua phương án phát hành thêm hơn 146,87 triệu cổ phiếu để tăng vốn. Trong đó bao gồm, hơn 19,15 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 15%, và hơn 127,71 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

DHC - CTCP Đông Hải Bến Tre - Ngày 23/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức 2020 và tạm ứng năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 24/7. Theo đó, cổ tức được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/10/2021, cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương ứng DHC sẽ phát hành thêm gần 14 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

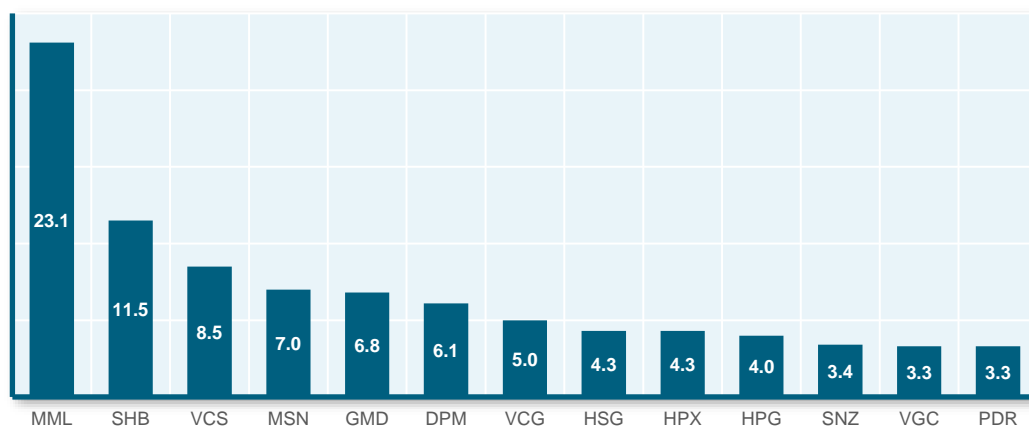


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	19.3	2,781,242	8.7	1.2	-	-	11,026	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	33.9	8,563,400	7.7	1.9	933,300	931,200	91,596	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	22.0	145,200	23.4	1.8	-	-	15,587	-	939	12,064
BID	HNX	41.0	2,713,600	19.5	2.0	414,100	514,400	164,903	16.72	2,103	20,453
CTG	HOSE	33.3	20,034,800	7.0	1.4	1,541,800	2,324,200	123,803	24.67	4,761	24,665
EIB	HOSE	25.8	226,200	36.2	1.9	23,100	1,500	31,719	29.78	713	13,822
HDB	HOSE	33.4	2,367,200	8.2	2.0	531,700	164,100	53,232	18.46	4,066	16,572
LPB	UPCOM	25.6	10,192,000	11.4	1.8	719,300	5,600	27,511	3.34	2,239	14,059
MBB	HOSE	27.9	15,529,300	7.1	1.5	2,080,700	1,264,200	78,085	22.55	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.0	15,134,100	11.5	1.8	12,800	4,500,200	32,900	29.99	2,436	15,368
NVB	HNX	17.3	3,686,528	-	1.6	13,000	-	7,038	8.72	27	10,532
OCB	HOSE	27.5	2,475,200	8.2	1.6	-	-	30,137	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	27.1	11,754,712	13.5	1.9	44,200	19,776	52,182	3.99	2,013	14,631
SSB	HOSE	39.1	1,740,500	29.4	3.3	-	-	47,201	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.1	23,884,800	18.8	1.7	3,082,900	528,500	50,683	14.42	1,495	16,485
TCB	HOSE	49.5	23,861,200	12.2	2.2	183,600	183,700	173,493	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.0	7,650,000	7.6	1.9	-	500	35,365	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	100.2	2,386,000	17.6	3.7	1,025,400	1,433,600	371,630	23.62	5,708	27,234
VIB	HOSE	42.0	3,838,200	7.9	2.4	20,300	7,700	65,232	20.86	5,297	17,420
VPB	HOSE	60.6	11,652,900	13.1	2.7	-	100	148,758	15.00	4,628	22,811
			170,617,082	14.15	2.01	10,626,200	11,879,276	1,612,082		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

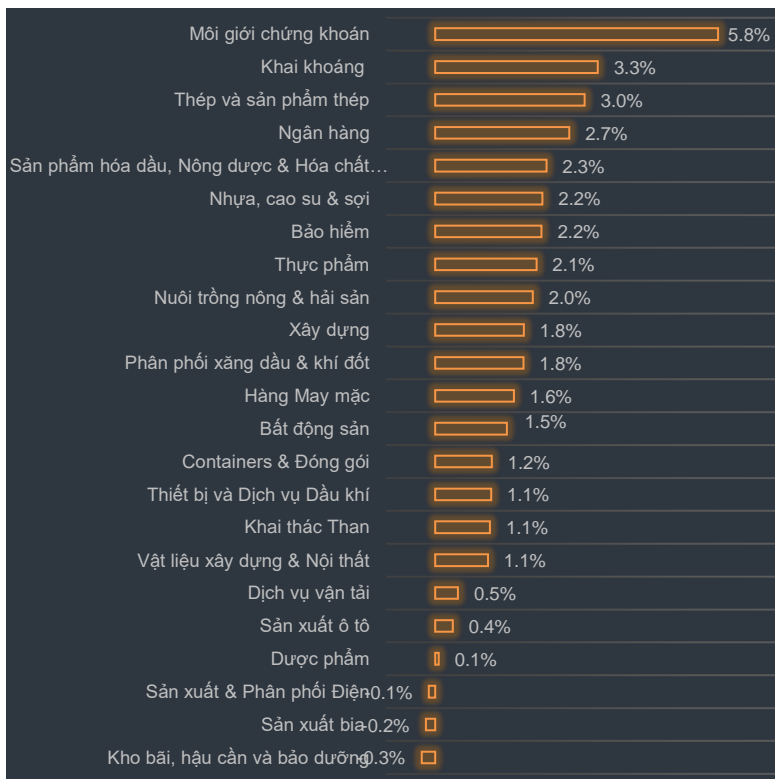
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	52,700	15,289,109	34,514,000	2,552.8	20.6	2.97	17,724	6.90
VCI	UPCOM	50,400	3,060,071	16,783,200	2,829.4	17.8	1.70	29,655	3.92
HCM	HNX	47,500	6,426,373	14,489,488	2,674.9	17.8	3.04	15,612	6.74
VND	UPCOM	41,400	6,781,452	8,880,908	5,308.7	7.8	1.98	20,939	9.52
SHS	UPCOM	39,600	9,630,233	8,207,821	4,994.5	7.9	2.21	17,951	8.79
MBS	UPCOM	28,900	2,741,131	7,733,839	1,279.0	22.6	2.20	13,147	8.65
FTS	HOSE	33,000	593,795	4,869,684	2,841.6	11.6	1.86	17,751	5.26
VIX	HNX	20,600	4,511,316	2,624,625	5,259.2	3.9	1.27	16,190	(0.24)
AGR	HOSE	12,700	3,326,339	2,682,239	572.1	22.2	1.30	9,775	6.72
BSI	UPCOM	21,000	2,173,561	2,552,984	2,051.4	10.2	1.65	12,711	6.06
ORS	HNX	22,400	1,313,708	2,240,000	1,516.4	14.8	2.12	10,574	0.90
VDS	HOSE	22,700	1,210,316	2,385,876	3,383.2	6.7	1.76	12,884	5.34
CTS	HOSE	20,600	2,081,439	2,191,832	2,444.1	8.4	1.48	13,885	6.74
TVS	HOSE	24,900	139,455	2,446,056	4,714.3	5.3	1.68	14,852	3.75
BVS	UPCOM	26,900	1,346,301	1,942,184	3,033.8	8.9	1.00	26,909	7.60
EVS	HOSE	32,200	404,569	1,932,013	2,382.6	13.5	2.27	14,167	5.57
SBS	HOSE	12,400	3,656,484	1,570,584	25.2	492.9	7.55	1,643	6.90
PHS	HOSE	13,900	1,281	1,251,000	828.3	16.8	1.23	11,291	-
TVB	HOSE	15,200	852,619	1,081,387	1,973.7	7.7	1.31	11,645	4.11
ART	HNX	8,600	5,892,638	833,534	269.8	31.9	0.75	11,459	8.86
TCI	UPCOM	13,100	310,441	648,450	2,331.0	5.6	1.07	12,235	4.80
IVS	UPCOM	8,300	134,602	575,605	352.2	23.6	0.84	9,862	3.75
BMS	UPCOM	13,000	112,792	650,000	1,808.9	7.2	1.00	12,977	1.56
APS	HOSE	12,300	2,204,053	479,700	2,395.8	5.1	1.11	11,126	5.13
PSI	UPCOM	8,500	214,071	508,651	182.9	46.5	0.81	10,519	6.25



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PAC	HOSE	12/8/2021	13/08/2021	27/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SBH	UPCoM	10/8/2021	11/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SAL	UPCoM	5/8/2021	6/8/2021	24/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 445 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	VLP	UPCoM	30/07/2021	2/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DNE	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	TLG	HOSE	27/07/2021	28/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	SSB	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9.1206	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	PMB	HNX	23/07/2021	26/07/2021	16/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAU	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 81 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BRR	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	SIP	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DDH	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	6/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	BLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	VCC	HNX	22/07/2021	23/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	LKW	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LPB	HOSE	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	ICN	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	HLB	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

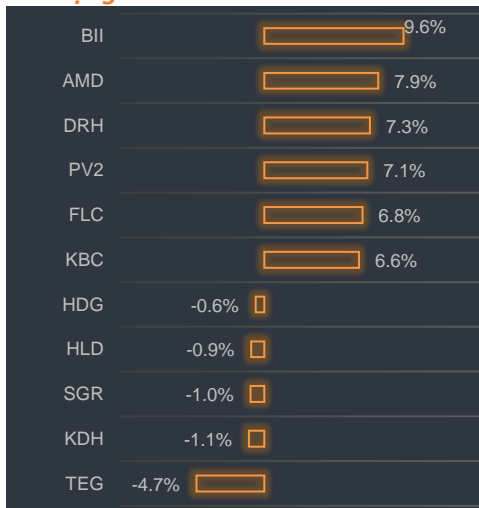
Tăng giảm ngành trong ngày



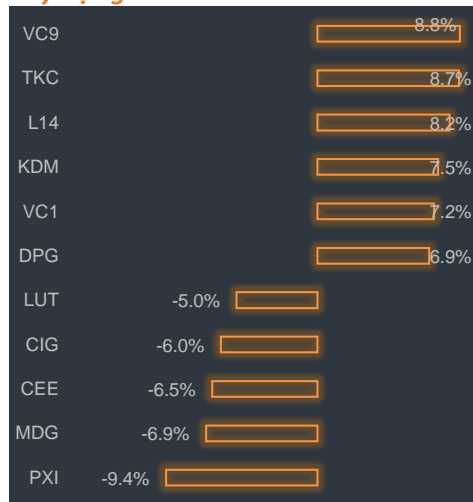
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	BII, AMD, DRH
Xây dựng:	VC9, , TKC, L14
Dầu khí:	PVB, PGD, PGS
Chứng khoán:	SHS, MBS, BVS
Ngân hàng:	SHB, ACB, HDB

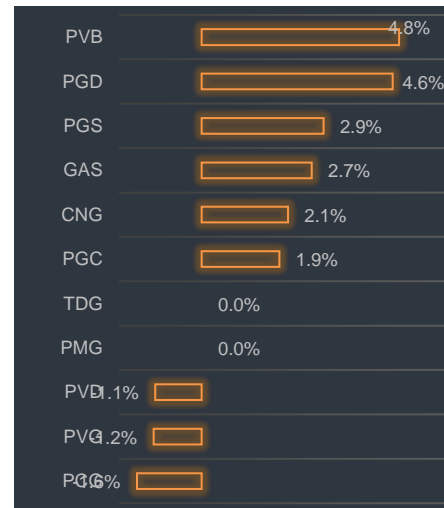
Bất động sản



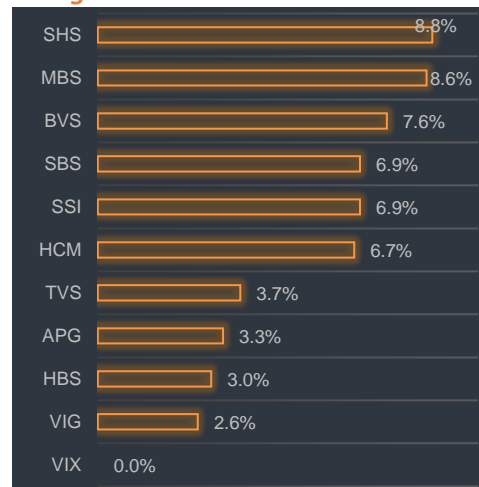
Xây dựng



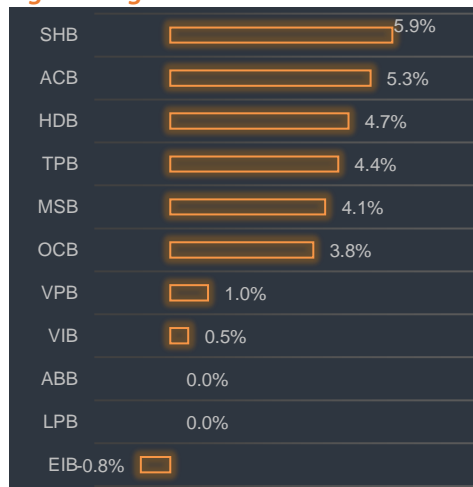
Dầu khí



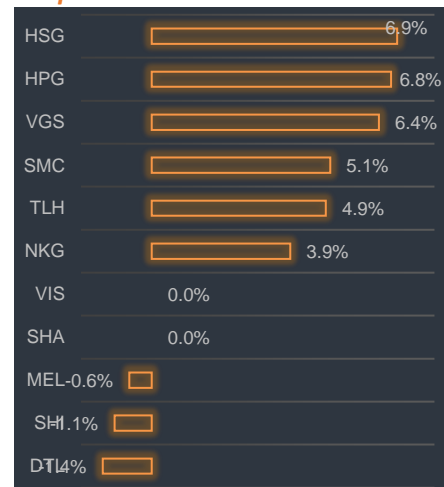
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931